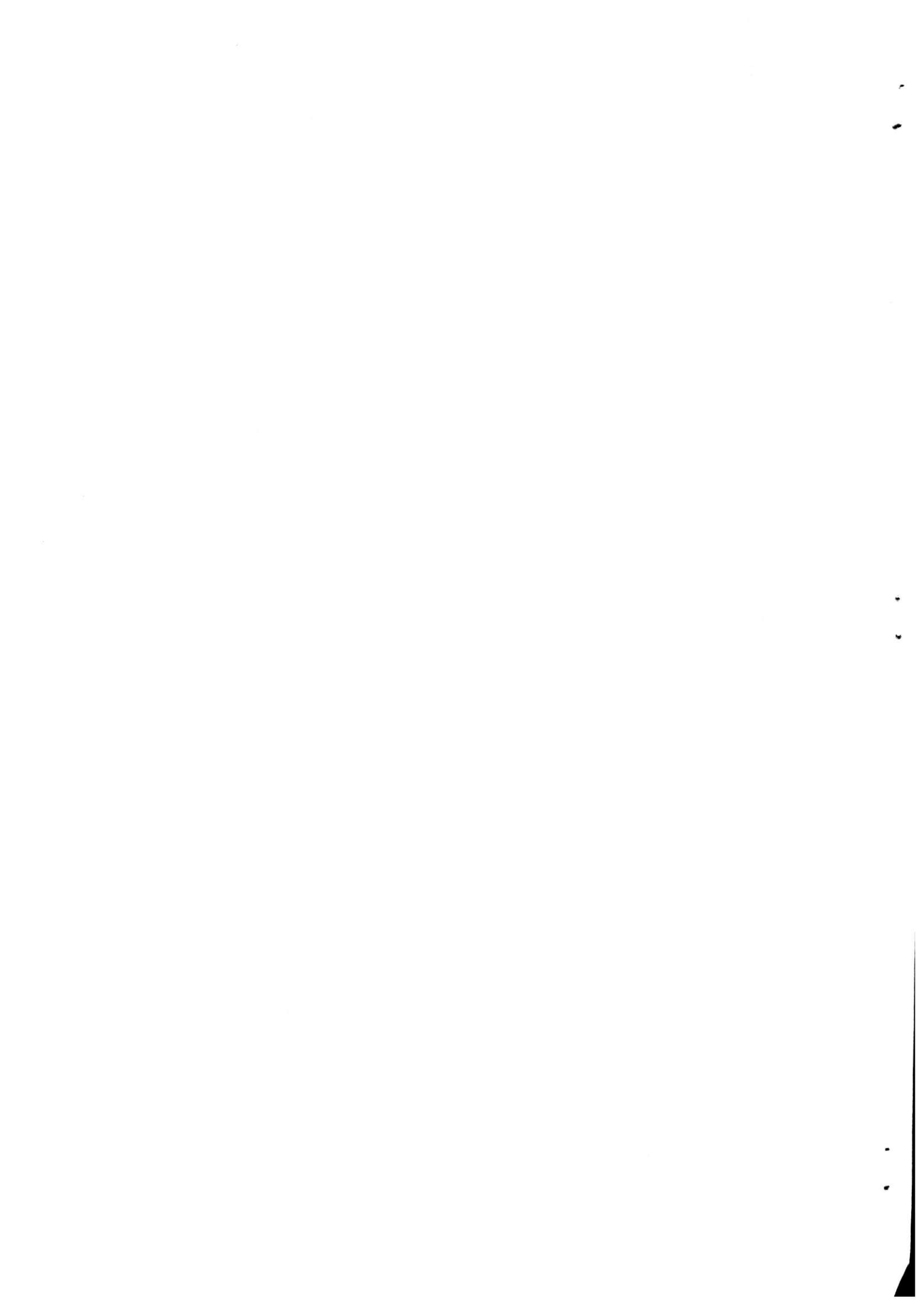


CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)  
29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel. (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880



**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY 7**

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 02/07/2017  
đã được kiểm toán

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

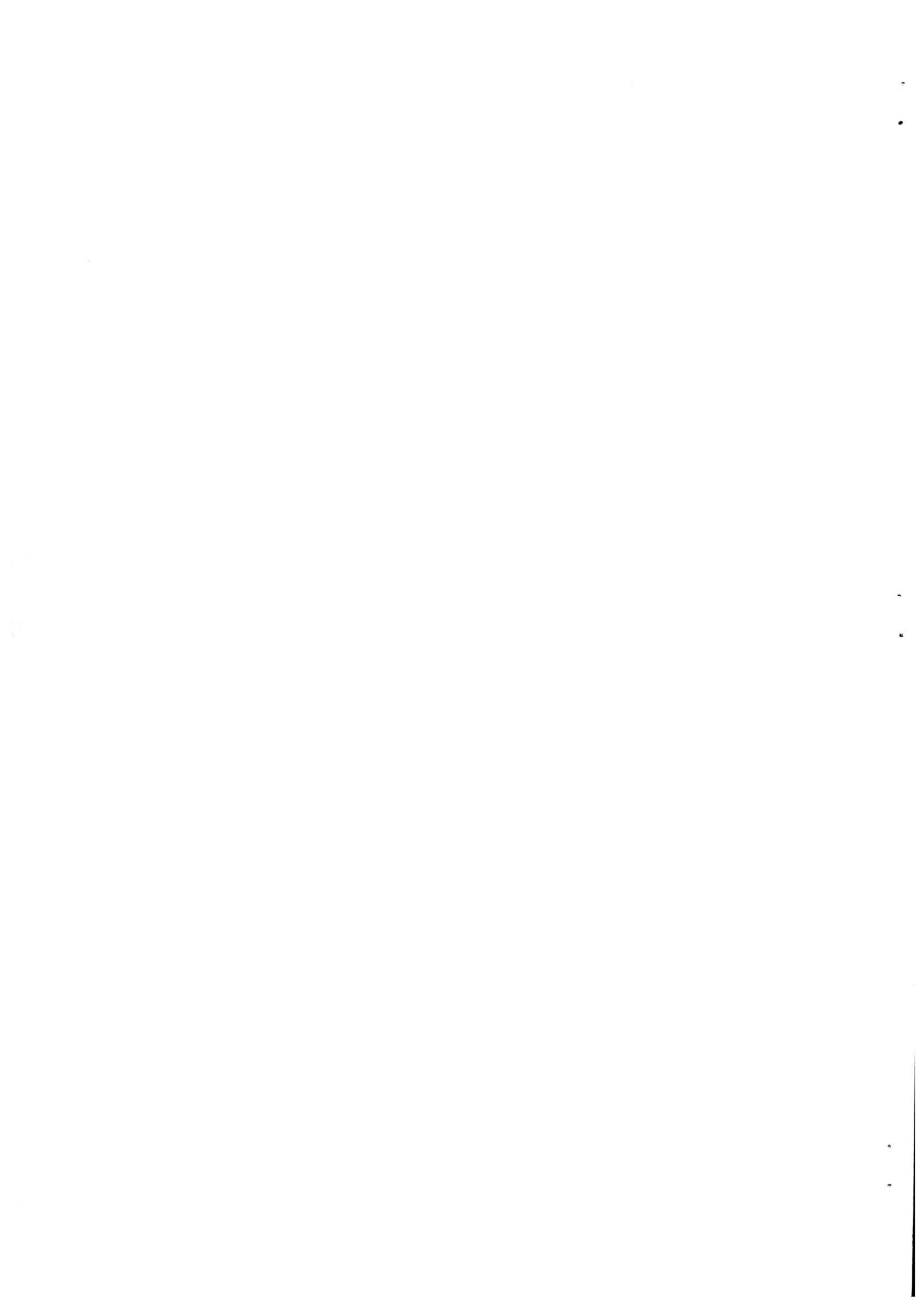
Số chứng thực.....16259-06.....Quyển số.....SCT/BS

Ngày 22 -12- 2017

Phó Chủ tịch UBND Phường 13 - Q. Tân Bình



**Lê Huỳnh Thanh**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 – 31



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dệt May 7 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 02/07/2017.

### Khái quát

Công ty TNHH MTV Dệt May 7 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300509782 ngày 08/12/2010. Công ty TNHH MTV Dệt May 7 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dệt May 7 theo quyết định số 943/QĐ-BQP ngày 29/03/2017 của Bộ Quốc Phòng. Thời điểm chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 03/07/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần thay đổi lần 4 ngày 03/07/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Dệt, nhuộm, in, may; Gia công sản phẩm cơ khí; Mua bán các loại nguyên vật liệu, phụ tùng, hóa chất, sản phẩm của ngành dệt, nhuộm, in, may, cơ khí.

Trụ sở chính của Công ty tại 109A Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính riêng

Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần thay đổi lần 4 ngày 03/07/2017. Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

### Chủ tịch và Ban điều hành của Công ty đến thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần

Chủ tịch Công ty: Ông Cao Xuân Minh

#### Ban điều hành:

Ông Phạm Văn Thấu	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Giám đốc
Ông Thái Doãn Thất	Phó Giám đốc
Bà Trịnh Thị Thương	Phó Giám đốc
Bà Lại Thị Bày	Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát từ thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần

#### Hội đồng Quản trị:

Bà Lại Thị Bày	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 20/06/2017
Ông Hà Hồng Quân	Thành viên HĐQT	Từ ngày 20/06/2017
Ông Đinh Quang Nhẫn	Thành viên HĐQT	Từ ngày 20/06/2017
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên HĐQT	Từ ngày 20/06/2017
Ông Phan Đức Lê Hoàng	Thành viên HĐQT	Từ ngày 20/06/2017



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Giám đốc:

Ông Dương Trường	Giám đốc điều hành	Từ ngày 10/07/2017
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó giám đốc	Từ ngày 10/07/2017

### Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban	Từ ngày 20/06/2017
Bà Nguyễn Thị Mộng Vân	Thành viên	Từ ngày 20/06/2017
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Thành viên	Từ ngày 20/06/2017

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

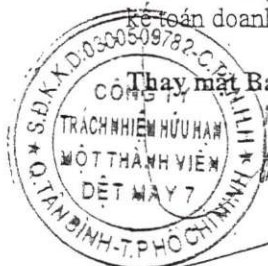
### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 02 tháng 07 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 02/07/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Văn Thấu  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2017





Số: 011a /BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty  
Công ty TNHH MTV Dệt May 7

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Dệt May 7, được lập ngày 03/11/2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 02/07/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

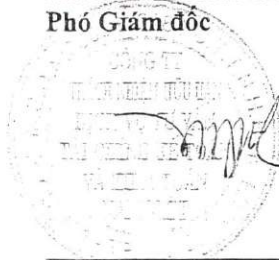
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dệt May 7 tại ngày 02/07/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 02/07/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán lập ngày 25/09/2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày 02/07/2017 không bao gồm số liệu của Chi Nhánh Công ty TNHH MTV Dệt May 7 – Xí Nghiệp May Hậu Cần.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)  
Phó Giám đốc**



**Kiểm toán viên**

Handwritten signature of Nguyễn Chí Thanh.

**Cao Thị Hồng Nga**  
Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 0613-2013-152-1

**Nguyễn Chí Thanh**  
Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 2819-2014-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 02 tháng 07 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	02/07/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>306.661.383.152</b>	<b>284.839.436.734</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>88.124.603.643</b>	<b>2.937.455.259</b>
1. Tiền	111		88.124.603.643	2.937.455.259
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>78.418.376.297</b>	<b>142.633.657.237</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	67.752.119.908	136.410.705.816
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.223.322.780	904.164.705
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	3.380.191.933	5.472.976.931
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	62.741.676	18.882.235
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(173.072.450)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>137.477.312.304</b>	<b>130.724.285.151</b>
1. Hàng tồn kho	141		137.477.312.304	130.724.285.151
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.641.090.908</b>	<b>8.544.039.087</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.641.090.908	5.282.181.816
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.261.857.271
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>175.280.374.782</b>	<b>154.432.682.536</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>158.479.453.807</b>	<b>154.432.682.536</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	158.479.453.807	154.432.682.536
- Nguyên giá	222		341.340.022.147	349.178.169.969
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.860.568.340)	(194.745.487.433)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.800.920.975</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	16.800.920.975	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>481.941.757.934</b>	<b>439.272.119.270</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 02 tháng 07 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	02/07/2017	01/01/2017
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>322.941.442.709</b>	<b>323.929.788.184</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>322.941.442.709</b>	<b>323.929.788.184</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	55.663.332.691	67.601.210.219
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	167.006.257.237	146.079.869.413
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.681.012.549	4.079.176.540
4. Phải trả người lao động	314		4.518.697.418	38.521.125.152
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		681.361.604	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	79.736.683.845	8.740.315.345
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	30.000.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.13	-	1.062.443.505
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		11.654.097.365	27.845.648.010
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>159.000.315.225</b>	<b>115.342.331.086</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>159.000.315.225</b>	<b>115.342.331.086</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		154.111.000.000	115.320.815.483
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.889.315.225	21.515.603
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>481.941.757.934</b>	<b>439.272.119.270</b>

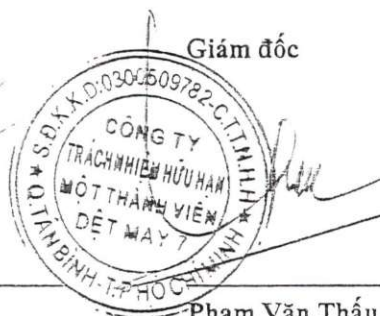
Người lập biểu

Lê Thị Thùy Vân

Kế toán trưởng

Lại Thị Bảy

Giám đốc



Phạm Văn Thấu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2017.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	302.043.667.703	387.405.933.243
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		302.043.667.703	387.405.933.243
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	279.917.237.483	326.801.141.039
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.126.430.220	60.604.792.204
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.381.945	2.213.426.519
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	490.038.909	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		490.038.909	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.027.742.938	3.229.962.646
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.708.487.611	27.010.312.295
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.926.542.707	32.577.943.782
11. Thu nhập khác	31	VI.6	989.126.258	2.075.039.439
12. Chi phí khác	32	VI.6	362.662.029	16.120
13. Lợi nhuận khác	40		626.464.229	2.075.023.319
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.553.006.936	34.652.967.101
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	3.366.241.283	6.930.593.420
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.186.765.653	27.722.373.681

Người lập biểu

Lê Thị Thùy Vân

Kế toán trưởng

Lại Thị Bảy

Giám đốc



Phạm Văn Thấu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		354.370.925.589	377.030.898.769
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(234.752.538.957)	(242.689.727.505)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(41.289.424.113)	(53.295.107.454)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(490.038.909)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.508.657.780)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		84.087.351.535	10.964.893.750
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.902.688.749)	(58.983.524.196)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>122.514.928.616</i>	<i>33.027.433.364</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.354.162.177)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	91.828.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.381.945	2.213.426.519
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>(7.327.780.232)</i>	<i>2.305.255.156</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		15.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(45.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(30.000.000.000)</i>	-



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		85.187.148.384	35.332.688.520
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.937.455.259	94.122.141.421
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	88.124.603.643	129.454.829.941

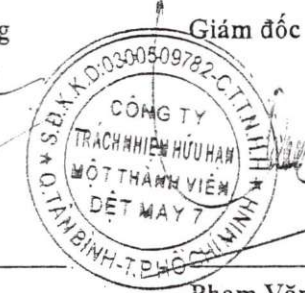
Người lập biểu

Lê Thị Thùy Vân

Kế toán trưởng

Lại Thị Bày

Giám đốc



Phạm Văn Thấu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Dệt May 7 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300509782 ngày 08/12/2010. Công ty TNHH MTV Dệt May 7 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dệt May 7 theo quyết định số 943/QĐ-BQP ngày 29/03/2017 của Bộ Quốc Phòng. Thời điểm chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 03/07/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần thay đổi lần 4 ngày 03/07/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 109A Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Dệt, nhuộm, in, may; Gia công sản phẩm cơ khí; Mua bán các loại nguyên vật liệu, phụ tùng, hóa chất, sản phẩm của ngành dệt, nhuộm, in, may, cơ khí.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 1 đơn vị trực thuộc: Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Dệt May 7 – Xí Nghiệp May Hậu Cần, địa chỉ: 451/9 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Ngày 03/07/2017 Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần nên kỳ kế toán 6 tháng 2017 của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến ngày 02/07/2017.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chi định khách hàng thanh toán;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ tài chính.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 05 năm
- Phương tiện vận tải	03 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

Công ty đã đăng ký phương pháp trích khấu hao tài sản cố định của từng tài sản cố định theo đường thẳng, có điều chỉnh trích khấu hao nhanh đến Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/01/2016.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Các khoản giảm trừ doanh thu*

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo.

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**16. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**17. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	02/07/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	505.701.960	741.328.853
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	87.618.901.683	2.196.126.406
<b>Cộng</b>	<b>88.124.603.643</b>	<b>2.937.455.259</b>

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	02/07/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ Phần 26	4.951.777.127	7.266.286.326
Công ty Cổ Phần X20	-	12.897.715.019
Công ty Thanh Hà	10.393.538.372	11.848.121.867
Công ty Cổ Phần 32	828.113.042	33.647.090
Công ty TNHH SX TM Thành Vinh	-	19.267.393.776
Công ty Cổ Phần Dệt May Nha Trang	16.885.976.846	18.909.246.110
Cục Quân Nhu -TCHC	13.609.733.595	45.180.444.488
Các khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.082.980.926	21.007.851.140
<b>Cộng</b>	<b>67.752.119.908</b>	<b>136.410.705.816</b>

3. Trả trước người bán ngắn hạn

	02/07/2017	01/01/2017
	VND	VND
Peja (S.E.A) B.V	-	547.406.705
Công ty TNHH tư vấn quản lý tài nguyên và môi trường SVN	-	250.000.000
ARIOLI S.P.A	7.183.068.300	-
Đối tượng khác	40.254.480	106.758.000
<b>Cộng</b>	<b>7.223.322.780</b>	<b>904.164.705</b>

4. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	02/07/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dệt May 7 - Xí Nghiệp May Hậu Cần	3.361.283.050	5.464.190.983
Xí nghiệp may	18.908.883	8.785.948
<b>Cộng</b>	<b>3.380.191.933</b>	<b>5.472.976.931</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

5. Phải thu khác ngắn hạn

	02/07/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	40.920.104	5.619.535
Phải thu khác	21.821.572	13.262.700
Cộng	<u>62.741.676</u>	<u>18.882.235</u>

6. Hàng tồn kho

	02/07/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.550.921.298	6.924.564.010
Công cụ, dụng cụ	-	7.992.064
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.594.968.418	25.475.131.138
Thành phẩm	86.331.422.588	97.231.746.789
Hàng hóa	-	1.084.851.150
Cộng	<u>137.477.312.304</u>	<u>130.724.285.151</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	51.147.175.638	290.977.520.642	7.053.473.689	349.178.169.969
Số tăng trong kỳ	45.216.889	155.539.888	52.036.200	252.792.977
- Mua trong kỳ	-	155.539.888	-	155.539.888
- Tăng theo Biên bản XDGTĐN	45.216.889	-	-	45.216.889
- Tăng khác	-	-	52.036.200	52.036.200
Số giảm trong kỳ	1.785.094.536	4.548.573.536	1.757.272.727	8.090.940.799
- Điều chuyển theo QĐ 1828/QĐ-BTM	-	-	1.757.272.727	1.757.272.727
- Giảm theo Biên bản XDGTĐN	1.785.094.536	4.548.573.536	-	6.333.668.072
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>49.407.297.991</b>	<b>286.584.486.994</b>	<b>5.348.237.162</b>	<b>341.340.022.147</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	39.700.587.629	148.499.102.884	6.545.796.920	194.745.487.433
Số tăng trong kỳ	778.673.100	20.888.722.649	108.787.878	21.776.183.627
- Khấu hao trong kỳ	778.673.100	20.888.722.649	108.787.878	21.776.183.627
Số giảm trong kỳ	8.664.868.973	22.099.763.337	2.896.470.410	33.661.102.720
- Điều chuyển theo QĐ 1828/QĐ-BTM	-	-	1.073.888.888	1.073.888.888
- Giảm theo Biên bản XDGTĐN	8.664.868.973	22.099.763.337	1.822.581.522	32.587.213.832
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>31.814.391.756</b>	<b>147.288.062.196</b>	<b>3.758.114.388</b>	<b>182.860.568.340</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	11.446.588.009	142.478.417.758	507.676.769	154.432.682.536
Tại ngày cuối kỳ	17.592.906.235	139.296.424.798	1.590.122.774	158.479.453.807

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 12.695.615.555 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

	02/07/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn	2.641.090.908	5.282.181.816
Chi phí thuê máy dệt	2.641.090.908	5.282.181.816
b. Dài hạn	16.800.920.975	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	746.828.063	-
Lợi thế thương mại	16.054.092.912	-
<b>Cộng</b>	<b>19.442.011.883</b>	<b>5.282.181.816</b>

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	02/07/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ Phần X20	5.628.087.670	5.628.087.670	-	-
CN Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	6.052.252.741	6.052.252.741	86.297.050	86.297.050
Tổng Công ty Cổ Phần Phong Phú	16.857.510.566	16.857.510.566	9.612.009.860	9.612.009.860
Công ty TNHH La Giang	79.192.515	79.192.515	303.254.675	303.254.675
Công ty TNHH Chan Chem	49.352.875	49.352.875	6.325.766.750	6.325.766.750
Công ty TNHH SX TMĐT Phát Triển Nam Phú	6.778.800.000	6.778.800.000	6.778.800.000	6.778.800.000
Công ty TNHH Thương Mại Anh Linh	1.176.065.272	1.176.065.272	2.590.143.272	2.590.143.272
Công ty TNHH Đầu Tư SX - TM Thanh Quang	230.771.430	230.771.430	2.376.004.672	2.376.004.672
Công ty TNHH Việt Ân	2.010.253.960	2.010.253.960	5.533.807.990	5.533.807.990
Công ty Cổ Phần Dệt May Quảng Phú	-	-	20.044.701.341	20.044.701.341
Phải trả các đối tượng khác	16.801.045.662	16.801.045.662	13.950.424.609	13.950.424.609
<b>Cộng</b>	<b>55.663.332.691</b>	<b>55.663.332.691</b>	<b>67.601.210.219</b>	<b>67.601.210.219</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	02/07/2017	01/01/2017
	VND	VND
Cục Tài Chính - BQP	166.000.000.000	145.700.000.000
Các đối tượng khác	1.006.257.237	379.869.413
<b>Cộng</b>	<b>167.006.257.237</b>	<b>146.079.869.413</b>

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	02/07/2017
	VND			VND
<b>Thuế phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.850.499.113	1.859.712.943	990.786.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.987.600.928	4.582.172.273	6.508.657.780	2.061.115.421
Thuế thu nhập cá nhân	91.575.612	496.149.159	178.516.193	409.208.578
Thuế, phí và lệ phí khác	-	222.902.380	3.000.000	219.902.380
<b>Cộng</b>	<b>4.079.176.540</b>	<b>8.154.443.262</b>	<b>8.552.607.253</b>	<b>3.681.012.549</b>

12. Phải trả khác ngắn hạn

	02/07/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	809.978.488	549.214.085
Bảo hiểm xã hội	746.885.561	716.251.101
Bảo hiểm y tế	92.802.830	100.778.840
Bảo hiểm thất nghiệp	34.320.010	40.609.800
Thuế nhà đất	497.995.665	995.991.307
Phải trả cổ phần hóa	68.494.070.713	-
Phòng tài chính QK7 (nộp chỉ tiêu)	6.300.000.000	5.213.554.000
Thù lao, chi phí tư vấn cổ phần hóa	2.661.078.548	-
Phải trả khác	99.552.030	1.123.916.212
<b>Cộng</b>	<b>79.736.683.845</b>	<b>8.740.315.345</b>

13. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	02/07/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	1.062.443.505
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.062.443.505</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	02/07/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	-	<b>15.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
Số dư đầu năm	115.320.815.483	21.515.603	-	115.342.331.086
Lãi trong kỳ	-	-	11.186.765.653	11.186.765.653
Điều chỉnh các quỹ năm 2016 theo Kiểm toán Nhà nước		383.358.872	(1.277.862.908)	(894.504.036)
Chuyển lợi nhuận về Quỹ khu	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 (*)			(4.408.902.745)	(4.408.902.745)
Các khoản điều chỉnh cổ phần hóa (**)	38.790.184.517	4.484.440.750	-	43.274.625.267
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>154.111.000.000</b>	<b>4.889.315.225</b>	<b>-</b>	<b>159.000.315.225</b>

(\*) Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 được Công ty phân phối lợi nhuận theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

(\*\*) Các khoản điều chỉnh cổ phần hóa căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 06/07/2016, Quyết định phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Dệt May 7 thuộc Công ty TNHH MTV Đông Hải/Quận 7 thành Công ty cổ phần của Bộ Quốc Phòng ngày 29/03/2017. Vốn điều lệ tại 03/07/2017 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần là 154.111.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	02/07/2017 VND	%	01/01/2017 VND	%
Công ty TNHH MTV Đông Hải	78.596.610.000	51	115.320.815.483	100
Vốn góp của các đối tượng khác	75.514.390.000	49	-	-
<b>Cộng</b>	<b>154.111.000.000</b>	<b>100</b>	<b>115.320.815.483</b>	<b>100</b>

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Vốn góp đầu năm	115.320.815.483	106.920.979.710
Vốn góp tăng trong kỳ	38.790.184.517	8.399.835.773
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	154.111.000.000	115.320.815.483

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	302.043.667.703	387.405.933.243
<b>Cộng</b>	<b>302.043.667.703</b>	<b>387.405.933.243</b>

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn thành phẩm	279.917.237.483	326.801.141.039
<b>Cộng</b>	<b>279.917.237.483</b>	<b>326.801.141.039</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.979.845	2.204.122.268
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.402.100	9.304.251
<b>Cộng</b>	<b>26.381.945</b>	<b>2.213.426.519</b>

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	490.038.909	-
<b>Cộng</b>	<b>490.038.909</b>	<b>-</b>

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	477.600.885	2.135.591.518
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	538.163.162	120.674.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.435.593	361.460.409
Chi phí khác	885.543.298	612.236.290
<b>Cộng</b>	<b>2.027.742.938</b>	<b>3.229.962.646</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	396.304.393	2.123.367.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định trong kỳ	1.081.562.358	2.703.466.590
Chi phí điều chỉnh khấu hao tài sản cố định theo kiểm toán Nhà nước	(1.561.793.765)	-
Chi phí khác	5.792.414.625	22.183.477.955
<b>Cộng</b>	<b>5.708.487.611</b>	<b>27.010.312.295</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

6. Thu nhập khác, Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>a. Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản	-	91.828.637
Thu nhập khác	989.126.258	1.983.210.802
<b>Cộng</b>	<b>989.126.258</b>	<b>2.075.039.439</b>
<b>b. Chi phí khác</b>		
Chi thanh lý TSCĐ	174.545.455	-
Phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp	186.684.301	-
Chi phí khác	1.432.273	16.120
<b>Cộng</b>	<b>362.662.029</b>	<b>16.120</b>

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.553.006.936	34.652.967.101
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(717.227.782)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.320.746.944	-
+ <i>Chi phí không được khấu trừ</i>	1.320.746.944	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.037.974.726	-
+ <i>Lợi nhuận đã tính thuế theo thanh tra thuế</i>	2.037.974.726	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	13.835.779.154	34.652.967.101
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.767.155.831	6.930.593.420
Thuế TNDN theo thanh tra thuế	599.085.452	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ</b>	<b>3.366.241.283</b>	<b>6.930.593.420</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	268.841.448.503	280.212.264.088
Chi phí nhân công	8.678.708.319	33.207.705.747
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.776.183.627	13.599.316.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	19.364.042.023	38.863.076.632
<b>Cộng</b>	<b>318.660.382.472</b>	<b>365.882.363.171</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của Chủ tịch và Ban điều hành trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 02/07/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương, Thù lao	925.512.489	1.044.100.000

**2. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dệt may, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

**3. Công cụ tài chính**

**a) Quản lý rủi ro tài chính**

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**b) *Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**c) *Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	322.941.442.709	-	322.941.442.709
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	55.663.332.691	-	55.663.332.691
Người mua trả tiền trước	167.006.257.237	-	167.006.257.237
Chi phí phải trả	681.361.604	-	681.361.604
Phải trả khác	99.590.491.177	-	99.590.491.177
<b>Số đầu năm</b>	<b>323.929.788.184</b>	<b>-</b>	<b>323.929.788.184</b>
Các khoản vay	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải trả người bán	67.601.210.219	-	67.601.210.219
Người mua trả tiền trước	146.079.869.413	-	146.079.869.413
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	80.248.708.552	-	80.248.708.552

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

e) Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính

Tài sản tài chính	02/07/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền, tương đương tiền	88.124.603.643	-	2.937.455.259	-
Phải thu khách hàng	67.752.119.908	-	136.410.705.816	173.072.450
Phải thu khác	10.666.256.389	-	6.396.023.871	-
Cộng	166.542.979.940	-	145.744.184.946	173.072.450

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ	
	02/07/2017	01/01/2017
Phải trả cho người bán	55.663.332.691	67.601.210.219
Vay nợ thuê tài chính	-	30.000.000.000
Người mua trả tiền trước	167.006.257.237	146.079.869.413
Chi phí phải trả	681.361.604	-
Phải trả khác	99.590.491.177	80.248.708.552
Cộng	322.941.442.709	323.929.788.184

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt và số liệu cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty tự lập.

Người lập biểu

Lê Thị Thùy Vân

Kế toán trưởng

Lại Thị Bảy

Giám đốc



Phạm Văn Thấu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2017